

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 261/2017/DS-PT

Ngày 06 -11 - 2017

V/v: “Tranh chấp dân sự về bồi thường
thiệt hại cho người bị kết án oan trong
hoạt động tố tụng hình sự”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương;

Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung;

Ông Đặng Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân-Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2017/TLPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2017 về việc “Tranh chấp dân sự về bồi thường thiệt hại cho người bị kết án oan trong hoạt động tố tụng hình sự”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 475/2017/QĐXX-PT ngày 28 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Tuyết L.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phan Thị Kim P (theo giấy ủy quyền ngày 07/12/2016).

Cùng cư trú tại: Ấp 5A, xã TX, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K- Luật sư của Văn phòng Luật sư PS, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Tòa án nhân dân huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ trụ sở: Khóm 3, thị trấn MA, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hiến C. Chức vụ: Chánh án Tòa án nhân dân huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D. Chức vụ: Phó Chánh án Tòa án nhân dân huyện TM (theo văn bản ủy quyền ngày 31/10/2017).

Người kháng cáo: Nguyên đơn, bà Phan Thị Tuyết L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Phan Thị Tuyết L trình bày: Ngày 27/7/1998, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 652/QĐ-TTg về việc giao đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư và chợ mới thị tứ TX (xã TX, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp) với diện tích thu hồi là 98.536m². UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 478/QĐ-UB-CH phê duyệt chi tiết khu Trung tâm thương mại xã TX, huyện TM. Căn cứ vào hồ sơ kỹ thuật thì mặc dù ranh giới quy hoạch còn cách đất của gia đình bà khoảng 55m, nhưng UBND huyện TM vẫn cưỡng chế thu hồi diện tích 11.200m², thửa số 18, tờ bản đồ số 11, tại xã TL (xã TX) thuộc quyền sử dụng của cha bà là ông Phan Văn B. Bà đã khiếu nại, phản đối thì bị Công an, Viện Kiểm sát và Tòa án nhân dân huyện TM khởi tố, bắt giam và xét xử về tội “Chống người thi hành công vụ”, xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Bà cho rằng bị oan nên đã khiếu nại. Ngày 19/01/2013, Công an huyện TM ban hành Quyết định đình chỉ điều tra bị can số 02. Vì vậy, bà L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TM bồi thường oan sai tổng cộng là 899.548.584 đồng, gồm các khoản:

- Tồn thất về tinh thần: 9.252.270 đồng (đối với thời gian bị tạm giữ, tạm giam là 59 ngày) và 48.822.727 đồng (đối với thời gian bị truy tố không bị tạm giữ, tạm giam là 934 ngày), theo mức lương cơ sở là 1.150.000 đồng/tháng.

- Tồn thất về sức khỏe 42.155.000 đồng.

- Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút là 12 năm 07 tháng 17 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng, tổng cộng 613.845.000 đồng.

- Chi phí đi lại và chi phí khác là 100.000.000 đồng.

- Tiền cấp dưỡng trong thời gian 12 năm 07 tháng 17 ngày, mỗi tháng 500.000 đồng đối với cha là 45.127.500 đồng và đối với mẹ là 45.127.500 đồng.

Bị đơn, Tòa án nhân dân huyện TM trình bày: Tòa án nhân dân huyện TM đã xét xử oan đối với bà L, thời gian tạm giữ, tạm giam là 59 ngày và thời gian không bị tạm giữ, tạm giam là 934 ngày nên đồng ý bồi thường theo mức lương cơ sở là 1.210.000 đồng/tháng, tổng cộng là 68.185.000 đồng, bao gồm: Tồn thất về tinh thần 61.105.000 đồng và thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút là 7.080.000 đồng. Không đồng ý bồi thường 42.155.000 đồng chi phí tồn thất về phục hồi sức khỏe, 613.845.000 đồng thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút và tiền cấp dưỡng cho cha, mẹ mỗi người 45.127.500 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 13/3/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Áp dụng Điều 147, 244, 246, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26, 29, 30; Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà

nước; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Tuyết L về bồi thường thiệt hại cho người bị kết án oan trong hoạt động tổ tụng hình sự.

- Công nhận thỏa thuận của các đương sự, Tòa án nhân dân huyện TM, tỉnh Đồng Tháp phải bồi thường thiệt hại cho bà Phan Thị Tuyết L các khoản như sau: Tổn thất về tinh thần 61.105.000 đồng, gồm 9.735.000 đồng đối với 59 ngày bị tạm giữ, tạm giam và 51.370.000 đồng đối với 934 ngày bị khởi tố, truy tố và xét xử mà không bị tạm giữ, tạm giam

- Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường khoản thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút là 7.080.000 đồng.

Tổng cộng số tiền Tòa án nhân dân huyện TM có trách nhiệm phải bồi thường cho bà L là 68.185.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Tuyết L về bồi thường chi phí tổn thất về phục hồi sức khỏe 42.155.000 đồng; yêu cầu bồi thường khoản thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút là 613.845.000; chi phí đi lại 100.000.000 đồng; tiền cấp dưỡng cho cha 45.127.500 đồng và tiền cấp dưỡng cho mẹ 45.127.500 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24/3/2017, nguyên đơn bà Phan Thị Tuyết L kháng cáo yêu cầu bồi thường 42.155.000 đồng tổn thất về sức khỏe; 613.845.000 đồng do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút; tiền cấp dưỡng cho cha, mẹ mỗi người 45.127.500 đồng và việc xác định giá trị ngày công 120.000 đồng là không có căn cứ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết các khoản bồi thường như đơn kháng cáo. Đồng thời bổ sung yêu cầu bồi thường 100.000.000 đồng là chi phí mà nguyên đơn đã bỏ ra cho việc khiếu nại việc bị oan. Bà L cho rằng trước khi bị khởi tố thì bà có bán vé số, thu nhập 150.000 đồng/ngày.

Luật sư của nguyên đơn trình bày: Theo quy định tại Điều 18 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì Tòa án có trách nhiệm xác minh thiệt hại để bồi thường cho người bị oan sai. Bà L bị bệnh phải đi khám là có thật, đây là hậu quả của việc bị oan nên phải được bồi thường tổn hại về sức khỏe. Cấp sơ thẩm xác định ngày công là 120.000 đồng để bồi thường cho bà L là không đúng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Tại phiên tòa, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh bị tổn hại sức khỏe. Về yêu cầu của bà L cấp dưỡng đối với cha, mẹ không được pháp luật quy định. Thu nhập bị mất hoặc giảm sút của bà L đã được cấp sơ thẩm xem xét theo giá trị ngày công là 120.000 đồng là đúng quy định. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự tranh luận và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, bà L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TM bồi thường thiệt hại do bị kết án oan nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp dân sự về bồi thường thiệt hại cho người bị kết án oan trong hoạt động tố tụng hình sự" và giải quyết là đúng quy định tại Điều 22, 23 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và Điều 26, 37 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Đối với việc kháng cáo yêu cầu bồi thường 100.000.000 đồng chi phí khiếu nại, thấy rằng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bà L không kháng cáo nội dung này. Vì vậy, việc bổ sung kháng cáo nêu trên là vượt quá phạm vi kháng cáo quy định tại khoản 2 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Đối với kháng cáo yêu cầu bồi thường thiệt hại về vật chất do tổn hại về sức khỏe, thấy rằng:

a. Theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Nhà nước; khoản 1 Điều 8, Điều 9 của Thông tư liên tịch số: 05/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC- BCA-BTP-BQP-BTC-BNN&PTNT ngày 02/11/2012 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của nhà nước trong hoạt động tố tụng hình sự quy định: Thiệt hại về vật chất do tổn hại về sức khỏe là chi phí thực tế cần thiết, phù hợp với tính chất, mức độ của thiệt hại, phù hợp với giá trung bình ở từng địa phương tại thời điểm chi, bao gồm: Tiền thuê phương tiện đưa người bị thiệt hại đi cấp cứu tại cơ sở y tế; tiền thuốc và tiền mua các thiết bị y tế; chi phí chiếu, chụp X quang, chụp cắt lớp, siêu âm, xét nghiệm, mổ, truyền máu theo chỉ định của bác sỹ; tiền viện phí; tiền tiếp đạm, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe cho người bị thiệt hại theo chỉ định của bác sỹ.

b. Đối chiếu quy định nêu trên, trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu bồi thường tổn thất về sức khỏe. Tại phiên tòa, bà L cũng xác nhận không cung cấp được chứng cứ đã chi phí cho các khoản mục theo quy định tại Thông tư liên tịch số: 05/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC- BCA-BTP-BQP-BTC-BNN&PTNT nêu trên nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường 42.155.000 đồng là có căn cứ.

[3] Đối với kháng cáo yêu cầu bồi thường thiệt hại về thu nhập bị mất hoặc bị giảm sút, thấy rằng:

a. Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số: 05/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC- BCA-BTP-BQP-BTC-BNN&PTNT quy định: "Người bị thiệt hại (kể

cả trường hợp đã chết) chỉ được bồi thường khoản thu nhập thực tế bị mất trong thời gian họ bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành hình phạt tù”. Hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của các đương sự, có căn cứ xác định thời gian bà L bị tạm giữ, tạm giam là 59 ngày. Như vậy, bà L được bồi thường khoản thu nhập thực tế bị mất trong thời gian 59 ngày.

b. Điểm d, khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số: 05/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC- BCA-BTP-BQP-BTC-BNN&PTNT quy định: “Trường hợp trước khi bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành hình phạt tù mà người bị thiệt hại là nông dân, ngư dân, người làm muối, người trồng rừng, người làm thuê, người buôn bán nhỏ, thợ thủ công, lao động khác, thực tế có thu nhập, nhưng theo mùa vụ hoặc không liên tục, thì lấy mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại địa phương. Mức thu nhập trung bình do chính quyền địa phương nơi người bị thiệt hại cư trú xác định.

Tại phiên tòa, bà L cho rằng trước khi bị khởi tố, bà L có bán vé số, thu nhập là 150.000 đồng/ngày. Tuy nhiên, bà L không cung cấp được chứng cứ, tài liệu chứng minh. Trong khi đó, lời khai của người làm chứng (các bút lục từ 396 đến 400) có nội dung: Cha mẹ bà L là ông, bà B1 trồng rẫy, bà L có phụ gia đình làm rẫy, trồng rau; bà B1 bán rau cải ở chợ, bà L bán rau cải phụ bà B1; có thời gian bà L phụ gia vé số cho đại lý vé số của chị Dương Thị N và đi bán vé số. Như vậy, công việc của bà L là không ổn định và không có căn cứ xác định bà L có thu nhập 150.000 đồng/ngày từ việc bán vé số. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Công văn số 50/UBND ngày 27/4/2016 của UBND xã TX, huyện TM (bút lục 395) để xác định giá trị ngày công lao động nữ làm nông nghiệp tại địa phương là 120.000 đồng/ngày là có cơ sở. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thu nhập bị mất của bà L là 7.080.000 đồng (=59 ngày bị tạm giữ, tạm giam x 120.000 đồng/ngày) là đúng.

[4] Đối với kháng cáo yêu cầu bồi thường tiền cấp dưỡng cho cha, mẹ, mỗi người là 45.127.500 đồng, thấy rằng:

Theo quy định tại Điều 48 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì chỉ trong trường hợp người đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bị chết thì mới được bồi thường về vật chất. Đối chiếu quy định trên thì bà L không thuộc trường hợp được bồi thường vật chất. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này là có căn cứ.

[5] Như nội dung tại mục [2], [3], [4] nêu trên thì kháng cáo của bà L và nội dung trình bày của Luật sư của bà L là không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 244, 246, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26, 29, 30 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị Tuyết L.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 13/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Tuyết L về bồi thường thiệt hại cho người bị kết án oan trong hoạt động tố tụng hình sự.

4. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, Tòa án nhân dân huyện TM, tỉnh Đồng Tháp phải bồi thường tổn thất về tinh thần cho bà Phan Thị Tuyết L 61.105.000 đồng, gồm 9.735.000 đồng đối với 59 ngày bị tạm giữ, tạm giam và 51.370.000 đồng đối với 934 ngày bị khởi tố, truy tố và xét xử mà không bị tạm giữ, tạm giam

5. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Tuyết L về bồi thường thiệt hại về thu nhập thực tế bị mất. Buộc Tòa án nhân dân huyện TM, tỉnh Đồng Tháp bồi thường cho bà Phan Thị Tuyết L 7.080.000 đồng.

Tổng cộng số tiền Tòa án nhân dân huyện TM, tỉnh Đồng Tháp có trách nhiệm phải bồi thường cho bà Phan Thị Tuyết L là 68.185.000 (Sáu mươi tám triệu một trăm tám mươi lăm ngàn) đồng.

6. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Tuyết L về yêu cầu bồi thường 42.155.000 đồng do tổn hại về sức khỏe; 613.845.000 đồng về yêu cầu bồi thường khoản thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giam giữ; 45.127.500 đồng tiền cấp dưỡng cho cha và 45.127.500 đồng tiền cấp dưỡng cho mẹ.

7. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Tòa án nhân dân huyện TM, tỉnh Đồng Tháp phải chịu 3.409.250 (*Ba triệu bốn trăm lẻ chín ngàn hai trăm năm mươi*) đồng.

10. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị Tuyết L không phải chịu.

11. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

12. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 06 tháng 11 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THA dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- NĐ (1);
- BD (1);
- Lưu (VT3, HS2). 13b. (Án HQ)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Phan Đức Phương